

Số: 1102/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 29 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1086/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Bùi Quang K – sinh năm 1991;

Địa chỉ: số 5 đường Tr, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu: Bà Trương Kim Th – sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện Ô, tỉnh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyển số 02/2013 ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Quang K và bà Trương Kim Th là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyển số 02/2013 ngày 31/10/2013). Sau khi kết hôn, hai bên chung sống tại địa chỉ F5/14 D1 ấp 6C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai bên chung sống đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hai bên đã ly thân 04 năm nay, ông K cư trú tại số 5 Tân Trang, Phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Quang T1, sinh ngày 19/9/2013. Hai bên thỏa thuận: Ly hôn bà Trương Kim Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Bùi Quang K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Quang K và bà Trương Kim Th cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quang K và bà Trương Kim Th thuận tình ly hôn (Ông Ông Bùi Quang K và bà Trương Kim Th đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyển số 02/2013 ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Quang T1 – sinh ngày 19/9/2013. Hai bên thỏa thuận: Bà Trương Kim Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Bùi Quang K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Kim Th đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Quang K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Bùi Quang K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Bùi Quang K và bà Trương Kim Th chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0068911 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc